

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 785/2023/HC-PT

Ngày: 30/10/2023

V/v Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 554/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11766/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường Đ, Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:

- Bà Bạch Tuyết H, sinh năm 1965; địa chỉ: P K12 B, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Lê Giang N, sinh năm 1982; địa chỉ: P N02 K35 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị N1 và bà Thái Thị Tổ U – Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: phòng A, K35 T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt bà N1, vắng mặt bà U.

* ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

1. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nông Thị H3, sinh năm 1972; có mặt;

3. Anh Trần Văn N2, sinh năm 1993; có mặt;

4. Anh Trần Văn G, sinh năm 1995; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Đường Đ, Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện ủy quyền của anh N2, anh G: Bà Nông Thị H3, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường Đ, Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969; có mặt.

6. Bà Nông Thị H4, sinh năm 1976; có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường Đ, Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tại Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B xác định nguồn gốc đất của gia đình ông Trần Văn T căn cứ vào Báo cáo số 74 ngày 20/10/2021 của UBND phường Đ, trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được Sở Địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001 và căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường cung cấp thì thửa đất của gia đình ông T nằm trong ranh giới thu hồi của dự án DCDV Bãi Ấn. Dự án công trình nhà ở của ông T là trái phép nên không được bồi thường, hỗ trợ. Việc UBND thành phố kết luận như trên là không có căn cứ.

Thứ nhất, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc đất do gia đình ông T nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Văn T1 năm 2002, trên đất có nhà cấp 4 và công trình phụ. Tổng diện tích khoảng 60m². Quá trình sinh sống, gia đình ông có cải tạo, sửa chữa. Gia đình đã sinh sống ổn định trên đất từ đó đến nay, không có tranh chấp.

Chiều theo Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất làm đất ở cho nhân dân thuộc Xóm A xã Đ được phê duyệt ngày 26/4/2001 thì diện tích đất ở của gia đình ông thuộc loại đất thổ cư.

Quá trình gia đình ông sử dụng đất không có bất kỳ tranh chấp với ai cũng như không có bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào lập Biên bản vi phạm hay được thông báo về việc vi phạm hay bị xử phạt gì.

Do đó, việc UBND thành phố B kết luận gia đình ông xây dựng lấn chiếm trái phép trên đất người khác, đất dự án B, đất của ao cá Bác H5 do UBND phường Đ quản lý là không có căn cứ.

Thứ hai việc UBND thành phố kết luận rằng: Toàn bộ công trình, nhà ở được xây dựng năm 2001 nằm trong quy hoạch Dự án DCDV Bãi Ấn là công trình xây dựng trái phép đã lập biên bản do vậy không được lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo điểm a, khoản 2, điều 18 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính Phủ. Kết luận như vậy là không đúng sự thật, gia đình không xây dựng mới, chỉ cải tạo lại phần nhà trên phần diện tích đất còn lại không nằm trong diện GPMB đường Đẩu Mã.

Theo Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được phê duyệt ngày 26/4/2001 (kèm theo hồ sơ trình phê duyệt dự án, là căn cứ ban hành Quyết định phê duyệt dự án) thì vị trí khu đất gia đình ông đang sử dụng được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất là Đất thổ cư. Như vậy, khi lập bản đồ để xin phê duyệt dự án, gia đình ông đã và đang sinh sống ở đó và được thể hiện là đất thổ cư (Ký hiệu T) trên bản đồ.

Do đó, nếu đất của các gia đình đang sử dụng thuộc dự án khu DCDV Bãi Ấn thì gia đình ông phải được xác định là người sử dụng đất và phải được nhận chính sách về thu hồi, bồi thường, tái định cư theo quy định pháp luật, không thể buộc gia đình ông phải tháo dỡ, di dời tài sản khi chưa nhận được bất cứ quyền lợi gì, như vậy là xâm phạm đến quyền về tài sản của gia đình ông.

Từ những lý do trên, ông T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết, tuyên: Hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn của công dân để ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của gia đình. Đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan.

Người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Việc UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2022 đã theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật: Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B về việc thu hồi đất và giao đất cho UBND xã Đ để giao đất cho nhân dân; Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-CT ngày 22/7/2004 UBND tỉnh B ngày 22/7/2004 về việc phê duyệt

phương án bồi thường khi thu hồi đất để giao đất ở cho nhân dân xóm 1 - phường Đ và nhân dân thị xã Bắc Ninh.

Quá trình rà soát, xác minh nội dung đơn kiến nghị của ông Trần Văn T được thực hiện như sau:

Sau khi UBND thành phố nhận được đơn của ông Lê Giang N, địa chỉ: P, N02 khu Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội là luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư thành phố H đại diện theo ủy quyền của 06 công dân xóm A, phường Đ, thành phố B. Đơn có nội dung:

- Đề nghị xác định đất do 06 hộ gia đình gồm: Ông Nguyễn Văn N3 (C), bà Nguyễn Thị H6, ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị N4 đang sử dụng có nằm trong diện thu hồi đất của dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấn hay không?

- Đề nghị xác minh nguồn gốc đất của 06 hộ nêu trên.

UBND thành phố đã giao các cơ quan chuyên môn kiểm tra, báo cáo tại Văn bản số 516/UBND-TTr ngày 02/3/2021.

Dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấn là dự án do UBND phường Đ làm chủ đầu tư đồng thời là đơn vị lập hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án. Căn cứ trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001, căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường cung cấp và một số hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ đất do hộ ông Trần Văn T đang sử dụng theo hiện trạng tương ứng với các thửa đất số 1, 7, 8, 9 trên trích đo bản đồ địa chính.

Ngày 07/10/2021, UBND thành phố B đã giao phòng T3 thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp xác minh, làm rõ nội dung đơn (Có biên bản họp kèm theo).

Ngày 15/10/2021, Ban lãnh đạo khu 1, phường Đ và các đồng chí nguyên là Ban lãnh đạo khu, Ban giám sát nhân dân khu 1, phường Đ tại thời điểm lập hồ sơ thu hồi đất năm 2001 tổ chức họp và có báo cáo kết quả nội dung xác minh nguồn gốc đất của 06 hộ khu 1 trong đó có hộ ông Trần Văn T nằm vào dự án DCDV B khu A, Đại Phúc gửi UBND phường Đ và UBND thành phố B.

Ngày 20/10/2021, UBND phường Đ có Báo cáo số 74/BC-UBND về việc xác minh nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất 06 hộ gia đình khu 1 thuộc dự án DCDV B, phường Đ trong đó có ông Trần Văn T.

Căn cứ các văn bản pháp lý kê trên và báo cáo của khu 1, báo cáo UBND phường Đ, UBND thành phố B nhận thấy:

Diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài được giao chia từ năm 1992 - 1993 của hộ ông Trần Văn T tại khu B là 140,0 m², tương ứng với thửa đất số 32, trên Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao làm đất ở cho nhân

dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính duyệt ngày 26/4/2001, diện tích đo vẽ là 114,8 m². Ông T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ 140,0 m² tại dự án DCDV B vào ngày 04/8/2004 và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Năm 2005 - 2006, gia đình ông T xây dựng công trình, nhà ở trên đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch dự án DCDV B, Đ, cụ thể: trên một phần diện tích đất ông Vũ Văn C1 khai hoang tại thửa số 1, diện tích đo vẽ 128,2 m², trên một phần diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài của ông Vũ Văn C1 tại thửa số 7, diện tích đo vẽ 167,3 m², trên một phần đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn L1 tại thửa số 9, diện tích đo vẽ 188,7 m² và trên một phần đất nông nghiệp của nhà ông Đặng Văn T2 tại thửa số 8, diện tích đo vẽ 201,2 m², trên Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính duyệt ngày 26/4/2001. Diện tích đất khai hoang tại thửa số 1 mà ông Trần Văn T xây dựng công trình đã được bà Nguyễn Thị N5 là vợ của ông Vũ Văn C1 nhận tiền bồi thường hỗ trợ ngày 04/8/2000 và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án xây dựng đường Đ Diện tích các công trình ông T xây dựng tại thửa số 7, 8, 9 đã được chủ sử dụng đất là các ông L1, ông T2, ông Vũ Văn C1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án DCDV Bãi Ấn ngày 04/8/2004. Toàn bộ công trình, nhà ở ông T xây dựng năm 2006 nằm trong quy hoạch dự án DCDV B, Đ đã được Sở Xây dựng tỉnh B phê duyệt ngày 05/7/2001, là công trình lấn chiếm trái phép, không được lập phương án bồi thường, hỗ trợ căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ.

Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn thư của công dân.

Như vậy, hộ ông Trần Văn T đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp của hộ gia đình khác đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án DCDV Bãi Ấn và dự án xây dựng đường Đ Việc UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 đã theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. UBND thành phố B không chấp nhận việc người khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B vì không có căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần Văn T.

Đại diện UBND phường Đ trình bày:

Việc khởi kiện vụ án hành chính của ông T là không có cơ sở. Gia đình ông T xây dựng công trình lấn, chiếm trái phép trên phần diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình khác đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng thuộc phạm vi quy hoạch của dự án DCDV B, khu A, phường Đ. Đây đều là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Về nội dung giải quyết đơn của 06 công dân nêu trên: UBND phường Đ và UBND thành phố B đã giải quyết nhiều lần từ phường đến thành phố. Ngày 12/11/2021, UBND thành phố

B đã trả lời công dân tại Văn bản số 3137/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của công dân. Qua đó, UBND thành phố đề nghị các hộ gia đình nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, tháo dỡ tài sản, công trình xây dựng không hợp pháp trên đất nông nghiệp và bàn giao mặt bằng để dự án DCDV Bãi Ân được hoàn thành và giao đất cho nhân dân theo kế hoạch. UBND phường Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Bà Nông Thị H3, anh Nguyễn Văn T1 và chị Nông Thị H4 nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 15/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã áp dụng Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/5/2023, người khởi kiện là ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu người tham gia tố tụng là ông Nguyễn Văn C2, ông Vũ Văn L2 là những người mà UBND thành phố B; danh sách nhận tiền bồi thường không có thửa đất số 01, nên cho rằng ông C2 đã nhận tiền bồi thường là thiếu căn cứ; không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Quyết định 802 là quyết định thu hồi đất tổng thể, trong đó thể hiện diện tích đất ông C2 nằm trong chỉ giới đỏ bị thu hồi; Quyết định 1210 và Quyết định 802 gián tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi ích của ông T, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đối với hai quyết định này là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để vụ án. Tòa án cấp vi phạm trong việc thu thập chứng cứ, không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ khi đương sự có yêu cầu là vi phạm thủ tục tố tụng; trình tự giải quyết đối với văn bản 3137 không đúng quy định về giải quyết khiếu nại. Với những sai phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục triệt để được ngay nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính để hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án mới có thể giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Trong vụ án này, các đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và tại phiên tòa đã có mặt người khởi kiện, đại diện của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Như vậy, về tố tụng, có đủ điều kiện để

Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Về nội dung, hộ ông Trần Văn T đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp của hộ gia đình khác đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấn và dự án xây dựng đường Đ Toàn bộ công trình, nhà ở ông T xây dựng năm 2006 nằm trong quy hoạch dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấn, Đ đã được Sở Xây dựng tỉnh B phê duyệt ngày 05/7/2001, là công trình lấn chiếm trái phép, không được lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Do đó, UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tổ tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đều vắng mặt nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B. Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

Ngày 18/02/2021, ông Lê Giang N - đại diện theo ủy quyền của 06 hộ dân tại Khu A phường Đ (trong đó có ông Trần Văn T) có đơn đề nghị gửi Thanh tra thành phố B đề nghị thanh tra toàn bộ dự án DCDV để làm rõ việc UBND phường Đ, UBND thành phố B thu hồi giải phóng mặt bằng đối với 06 hộ dân tại Khu A phường Đ. UBND thành phố B đã có công văn yêu cầu UBND

phường Đ xem xét giải quyết đơn, có văn bản đơn đốc Phòng T3 và UBND phường Đ mở hội nghị gồm các thành phần: Khu, phường Đ để xác minh nguồn gốc các thửa đất và xác định việc vi phạm của các hộ trong việc xây dựng trái phép trên thửa đất khác đã được đền bù. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh đất đối với 06 hộ dân của Khu 1 phường Đ và phường Đ, ngày 12/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT của UBND thành phố B về việc giải quyết đơn của công dân.

Như vậy, Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.2] Về nội dung Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B:

Căn cứ trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được Sở Địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001, căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường cung cấp và một số hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ, đất do hộ ông Trần Văn T đang sử dụng theo hiện trạng tương ứng với các thửa đất số 1, 7, 8, 9 trên trích đo bản đồ địa chính.

Diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài được giao chia từ năm 1992 - 1993 của hộ ông Trần Văn T tại khu B là 140,0 m², tương ứng với thửa đất số 32, trên Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính duyệt ngày 26/4/2001, diện tích đo vẽ là 114,8 m². Ông T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ 140,0 m² tại dự án DCDV B vào ngày 04/8/2004 và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Năm 2005 - 2006, gia đình ông T xây dựng công trình, nhà ở trên đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch dự án DCDV B, Đ, cụ thể: Trên một phần diện tích đất ông Vũ Văn C1 khai hoang tại thửa số 1, diện tích đo vẽ 128,2 m², trên một phần diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài của ông Vũ Văn C1 tại thửa số 7, diện tích đo vẽ 167,3 m², trên một phần đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn L1 tại thửa số 9, diện tích đo vẽ 188,7 m² và trên một phần đất nông nghiệp của nhà ông Đặng Văn T2 tại thửa số 8, diện tích đo vẽ 201,2 m², trên Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính duyệt ngày 26/4/2001. Diện tích đất khai hoang tại thửa số 1 mà ông Trần Văn T xây dựng công trình đã được bà Nguyễn Thị N5 là vợ của ông Vũ Văn C1 nhận tiền bồi thường hỗ trợ ngày 4/8/2000 và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án xây dựng đường Đ Diện tích các công trình ông T xây dựng tại thửa số 7, 8, 9 đã được chủ sử dụng đất là các ông L1, ông T2, ông Vũ Văn C1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án DCDV Bãi Ấn ngày 04/8/2004.

Như vậy, hộ ông Trần Văn T đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp của hộ gia đình khác đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt

bằng để thực hiện dự án DCDV Bãi Ấn và dự án xây dựng đường Đ Toàn bộ công trình, nhà ở ông T xây dựng năm 2006 nằm trong quy hoạch dự án DCDV B, Đ đã được Sở Xây dựng tỉnh B phê duyệt ngày 05/7/2001, là công trình lấn chiếm trái phép, không được lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ. Do đó, UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T và người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T có yêu cầu xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B về việc thu hồi đất và giao đất cho UBND xã Đ để giao đất ở cho nhân dân. Xét thấy, nội dung khởi kiện của ông T là không đồng ý với Văn bản 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc không thừa nhận phần diện tích 60 m² ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1 năm 2002 nằm trong khu vực DCDV B là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và phần diện tích này thuộc diện tích thu hồi thực hiện dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấn thì phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất cho gia đình ông chứ không phải khởi kiện vì không đồng ý với việc thu hồi đất tại Quyết định 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B. Mặt khác, Quyết định 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B là quyết định hành chính mang tính tổng thể, không tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông Trần Văn T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông theo nội dung Văn bản 3137/UBND-TNMT của Chủ tịch UBND thành phố B và không xem xét đánh giá tính hợp pháp của Quyết định 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B là phù hợp và đúng pháp luật.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Trần Văn T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

số 0000376 ngày 29/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh